

Số: 207CV-HPD-2017
V/v: Công bố thông tin theo quy định

Gia Lai, ngày 19 tháng 4 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;

Tên công ty: Công ty CP thủy điện Đắk Đoa (HPD)
Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng – TP.PLeiku – Gia Lai
Số điện thoại: 0596 288 688 Fax: 0593 866 472

Loại công bố thông tin: Theo quy định.

Nội dung công bố thông tin:

- Công bố Báo cáo tài chính Quý I năm 2017 của Công ty cổ phần thủy điện Đắk Đoa.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi.
- Lưu TH, đăng Website

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

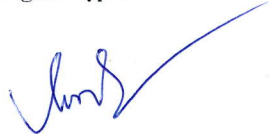
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/17	31/12/16
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.561.810.010	15.255.208.288
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	292.397.824	5.743.385.646
1. Tiền	111		292.397.824	5.743.385.646
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		25.728.733.786	8.957.899.986
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	5.620.033.030	7.419.430.163
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	194.000.000	194.000.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		18.778.906.943	
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.135.793.813	1.344.469.823
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	475.900.756	489.145.012
1. Hàng tồn kho	141		475.900.756	489.145.012
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.777.644	64.777.644
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		64.777.644	64.777.644
2. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		200.641.155.168	204.021.761.271
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.148.000.000	1.148.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	1.148.000.000	1.148.000.000
II. Tài sản cố định	220		197.862.123.163	201.242.729.266
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	197.862.123.163	201.242.729.266
<i>Nguyên giá</i>	222		282.926.371.663	282.926.371.663
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(85.064.248.500)	(81.683.642.397)
2. Tài sản cố định vô hình	227			
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.522.200	6.522.200
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	6.522.200	6.522.200
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.624.509.805	1.624.509.805
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.624.509.805	1.624.509.805
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		227.202.965.178	219.276.969.559

Ngày 31 tháng 3 năm 2017
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/16	31/12/15
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		117.291.099.138	112.744.320.078
I. Nợ ngắn hạn	310		9.291.099.138	31.323.227.021
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	361.415.882	5.125.405.356
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		200.000.000	200.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.092.101.916	3.302.161.566
4. Phải trả người lao động	314		220.029.067	585.562.994
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	721.045.455	658.808.888
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	911.731.818	8.968.513.217
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	4.500.000.000	12.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		284.775.000	482.775.000
II. Nợ dài hạn	330		108.000.000.000	81.421.093.057
1. Phải trả dài hạn khác	337			
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	108.000.000.000	81.421.093.057
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		109.911.866.040	106.532.649.481
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	109.911.866.040	106.532.649.481
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	83.065.900.000	83.065.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.065.900.000	83.065.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.398.194.445	2.398.194.445
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.125.460.929	1.125.460.929
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.322.310.666	19.943.094.107
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.943.094.107	19.943.094.107
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.379.216.559	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		227.202.965.178	219.276.969.559

Người lập biểu



Nguyễn Thị Vinh

Kế toán trưởng



Trần Mạnh Đăng

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 3 tháng năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	10.280.642.179	6.798.640.681
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		10.280.642.179	6.798.640.681
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.350.279.868	4.017.175.749
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.930.362.311	2.781.464.932
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	190.407.678	2.066.905
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.012.342.186	1.936.991.564
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.012.342.186	1.936.991.564
8. Chi phí bán hàng	25			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	717.720.178	573.155.396
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.390.707.625	273.384.877
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32	VI.6	11.491.066	49.492.334
13. Lợi nhuận khác	40		(11.491.066)	(49.492.334)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.379.216.559	223.892.543
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.379.216.559	223.892.543
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	407	27

Người lập biểu

Nguyễn Thị Vinh

Kế toán trưởng

Trần Mạnh Đăng

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 3 tháng năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số t minh	Đơn vị tính: VND	
		Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.379.216.559	223.892.543
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.380.606.103	3.351.481.383
- Các khoản dự phòng	03		-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	190.407.678	(2.066.905)
- Chi phí lãi vay	06	2.012.342.186	1.934.924.659
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	8.962.572.526	5.508.231.680
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.008.073.143	14.855.940.234
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.244.256)	(49.985.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(7.202.620.066)	(5.428.252.213)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.950.105.619)	(1.689.295.832)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(198.000.000)	(169.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.606.675.728	13.027.638.869
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.245.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.778.906.943)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.372.950	2.066.905
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.776.533.993)	(1.243.333.095)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	26.578.906.943	
2 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.500.000.000)	(9.680.715.176)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.360.036.500)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 đường Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		<u>11.718.870.443</u>	<u>(9.680.715.176)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.450.987.822)	2.103.590.598
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.743.385.646	141.969.164
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>292.397.824</u>	<u>2.245.559.762</u>

Người lập biểu

Nguyễn Thị Vĩnh

Kế toán trưởng

Trần Mạnh Đăng

Lập ngày 08 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phạm Văn Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Đầu tư các công trình thủy điện, nhiệt điện; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; xây dựng nhà các loại, công trình đường bộ, công trình công ích và các công trình kỹ thuật dân dụng khác; khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng; khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; trồng rừng và chăm sóc rừng./.
4. **Nhân sự**
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 Tổng số nhân viên hiện có 29 người đang làm việc.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản

Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong giai đoạn đầu tư xây dựng (lỗ hoặc lãi tỷ giá hối đoái) không tính vào trị giá TSCĐ mà phân bổ trong thời gian 5 năm.

Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa máy móc thiết bị

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

11. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi Công ty đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp điện thương phẩm

Doanh thu cung cấp điện thương phẩm được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo và đã có bằng thanh toán điện năng được khách hàng chấp nhận.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tiền và các khoản phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó..

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền.

	31/3/2017	31/12/2016
Tiền mặt	79.886.135	45.690.049
Tiền gửi ngân hàng	212.511.689	5.697.695.597
Cộng	292.397.824	5.743.385.646

2. Phải thu ngắn hạn

2.1 Phải thu khách hàng

	31/3/2017	31/12/2016
Tổng công ty Điện lực Miền Trung	5.431.998.302	7.387.358.123
Công ty CP Sông Đà 11	188.034.728	
Các khách hàng khác		32.072.040
Cộng	5.620.033.030	7.419.430.163

2.2 Trả trước cho người bán

	31/3/2017	31/12/2016
Công ty CP tư vấn LiGi	194.000.000	194.000.000
Cộng	194.000.000	194.000.000

2.3 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/3/2017	31/12/2016
Công ty CP Sông Đà 11	18.778.906.943	
Cộng	18.778.906.943	

2.4 Phải thu khác

- Phải thu ngắn hạn khác

	Số 31/3/2017		Số 31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.344.469.823	-	1.344.469.823	-
- Phải thu Công ty Cổ phần thủy điện Sông Đà Tây Nguyên chi phí sử dụng chung đường dây	566.186.877	-	554.554.572	-
- Phải thu Tổng Công ty Điện lực Miền Trung 10% tiền góp vốn thực hiện đường dây (xem thuyết minh số V.4b)	287.000.000	-	287.000.000	-
- Tạm ứng cho nhân viên	241.260.927	-	489.490.227	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số 31/3/2017		Số 31/12/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Bảo hiểm xã hội, thuế TNCN phải thu nhân viên	41.346.009	-	13.425.024	-
Cộng	1.135.793.813	-	1.372.640.504	-

- Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền phải thu lại theo “Biên bản thoả thuận về việc cam kết góp và hoàn trả vốn thực hiện chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum”. Theo đó, Công ty đã góp 2.870.000.000 VND từ năm 2011 để Tổng Công ty Điện lực Miền Trung (PC3) thực hiện đầu tư công trình chống quá tải đường dây 110kV Pleiku-Kontum và sau 6 tháng kể từ khi công trình hoàn thành đóng điện vận hành, số tiền này sẽ được PC3 hoàn trả trong 10 năm (mỗi năm 10% giá trị vốn đã góp).

3. Hàng tồn kho

	31/3/2017		31/12/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	469.650.756	-	482.603.346	-
Công cụ, dụng cụ	6.250.000	-	6.541.666	-
Cộng	475.900.756	-	489.145.012	-

4. Chi phí trả trước**4.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản còn phải phân bổ.

4.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trồng rừng thay thế	1.579.055.259	1.579.055.259
Chi phí kiểm định an toàn	45.454.546	45.454.546
Công cụ dụng cụ		
Cộng	1.624.509.805	1.624.509.805

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	160.830.486.568	121.076.467.457	937.811.290	81.606.348	282.926.371.663
Giảm trong năm (*)					
Số cuối kỳ	160.830.486.568	121.076.467.457	937.811.290	81.606.348	282.926.371.663
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			158.133.333	81.606.348	81.606.348
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	35.994.037.776	44.813.127.881	794.870.392	81.606.348	81.683.642.397
Khấu hao trong năm	1.291.379.484	2.069.734.668	19.491.951		3.380.606.103

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối kỳ	37.285.417.260	46.882.862.549	814.362.343	81.606.348	85.064.248.500
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	124.836.448.792	76.263.339.576	142.940.898		201.242.729.266
Số cuối kỳ	123.545.069.308	74.193.604.908	123.448.947		197.862.123.163

Công trình nhà máy thủy điện Đăk Đoa có giá trị còn lại theo sổ sách là 197.067.088.123 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng VCB Chi nhánh Gia Lai.

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/3/2017	31/12/2016
Đập tràn sục cở	6.522.200	6.522.200
Cộng	6.522.200	6.522.200

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/3/2017	31/12/2016
Công ty Cổ phần Sông Đà 505 – Chi nhánh 555		1.617.000.847
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng công trình ngầm Việt Nam		1.538.904.300
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		350.385.513
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà		573.623.116
Công ty CP cơ khí và lắp máy Đại Hân		586.806.569
Các nhà cung cấp khác	361.415.882	458.685.011
Cộng	361.415.882	5.125.405.356

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/3/2017
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.911.442.511	1.028.064.219	1.824.377.132	1.115.129.598
Thuế thu nhập doanh nghiệp	769.266.943		200.000.000	569.266.943
Thuế thu nhập cá nhân	48.885.380	150.449.766		199.335.146
Thuế tài nguyên	282.413.352	288.620.134	433.839.177	137.194.309
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		14.175.000	14.175.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	290.153.380	74.175.920	293.153.380	71.175.920
Cộng	3.302.161.566	1.555.485.039	2.765.544.689	2.092.101.916

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39/121/000/033 ngày 13 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai cấp:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐOÀ

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty được miễn thuế 04 năm kể từ ngày có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.
- Dự án thủy Điện Đắc Đoa được hưởng mức thuế suất 10% áp dụng trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh.

Năm 2015 là năm bắt đầu tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ dự án thủy điện.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước thiên nhiên phục vụ hoạt động thủy điện với mức thuế suất 5%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 3.500 m² đất đang sử dụng với mức 49.000.000 VND/năm.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định

9. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/3/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Chi phí lãi vay	697.500.000	635.263.433
Chi phí tiền tàu xe nghỉ phép	23.545.455	23.545.455
Cộng	<u>721.045.455</u>	<u>1.373.874.449</u>

10. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	<u>31/3/2017</u>	<u>31/12/2016</u>
Kinh phí công đoàn	5.182.790	26.249.620
Bảo hiểm xã hội	29.379.583	864.498
Bảo hiểm y tế		
Bảo hiểm thất nghiệp		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	502.607.250	8.673.562.250
Thù lao HĐQT, BKS	144.000.000	
Các khoản phải trả khác	230.562.195	267.836.849
Cộng	<u>911.731.818</u>	<u>8.968.513.217</u>

11. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.500.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng VCB Chi nhánh Gia Lai	4.500.000.000	12.000.000.000
Cộng	<u>4.500.000.000</u>	<u>12.000.000.000</u>

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Phát tiền Việt Nam CN Gia Lai	108.000.000.000	81.421.093.057
Cộng	<u>108.000.000.000</u>	<u>81.421.093.057</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai để tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp và hoàn vốn đầu tư dự án Nhà máy thủy điện Đắc Đoa với lãi suất cố định trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó điều chỉnh theo lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng cộng với mức biên là 2,80%/năm, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 3 năm 2017. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp công trình nhà máy thủy điện Đắc Đoa

12. **Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư 01/01/2016	83.065.900.000	2.398.194.445	1.125.460.929	20.937.600.758	107.527.156.132
Tăng trong năm	-	-	-	7.312.083.349	7.312.083.349
Giảm trong năm	-	-	-	(8.306.590.000)	(8.306.590.000)
Số dư 31/12/2016	83.065.900.000	2.398.194.445	1.125.460.929	19.943.094.107	106.532.649.481
Số dư 01/01/2017	83.065.900.000	2.398.194.445	1.125.460.929	19.943.094.107	106.532.649.481
Tăng trong năm				3.379.216.559	
Giảm trong năm					
Số dư 31/3/2017	83.065.900.000	2.398.194.445	1.125.460.929	23.322.310.666	109.911.866.040

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.460.000	9.460.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	8.306.590	8.306.590
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.306.590	8.306.590

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. **THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. **Doanh thu**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Doanh thu bán điện thương phẩm	10.280.642.179	6.798.640.681
Doanh thu sản xuất kinh doanh khác		
Doanh thu thuần	10.280.642.179	6.798.640.681

2. **Giá vốn hàng bán**

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	4.350.279.868	4.017.175.749
Giá vốn sản xuất kinh doanh khác		
Cộng	4.350.279.868	4.017.175.749

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Là lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay ngắn hạn

4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
4. Chi phí lãi vay	2.012.342.186	1.936.991.564
4. Cộng	2.012.342.186	1.936.991.564
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
4. Chi phí nhân viên quản lý	266.812.517	296.057.686
4. Chi phí vật liệu quản lý	15.651.815	20.274.701
4. Chi phí đồ dùng văn phòng	8.445.454	1.614.000
4. Chi phí khấu hao TSCĐ	19.491.951	19.491.951
4. Thuế, phí và lệ phí	17.175.000	3.000.000
4. Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.850.991	64.553.843
4. Chi phí bằng tiền khác	301.292.450	168.163.215
4. Cộng	717.720.178	573.155.396
4. Chi phí khác		
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Lãi chậm nộp bảo hiểm, nộp thuế	11.491.066	49.492.334
Chi phí khác		
Cộng	11.491.066	49.492.334
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Quý I năm 2017	Quý I năm 2016
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.379.216.559	223.892.543
LN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.379.216.559	223.892.543
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.306.590	8.306.590
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	407	27

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐẮK ĐÒA

Địa chỉ: Số 138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Mối quan hệ

Thành viên góp vốn

Lập, ngày 05 tháng 4 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Vĩnh

Kế toán trưởng

Trần Mạnh Đăng



Tổng Giám đốc

Phạm Văn Hùng